



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-24) 3942 2354 - Fax: (84-24) 3942 2351

THÔNG BÁO

V/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể như sau:

- I- Thời gian: 8h30 Thứ ba, ngày 23 tháng 04 năm 2024
- II- Địa điểm: Hội trường tầng 8, trụ sở VINARE, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- III- Đối tượng tham dự: các cổ đông có tên trong danh sách do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 27/03/2024.
- IV- Nội dung Đại hội:
- + Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024;
 - + Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;
 - + Phê chuẩn phương án phân phối lợi tức sau thuế, chi trả cổ tức năm 2023;
 - + Phê chuẩn thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký năm 2023;
 - + Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023;
 - + Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023;
 - + Lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2024;
 - + Nội dung khác (nếu có).

V- Đăng ký tham dự Đại hội:

- * Trường hợp trực tiếp tham dự: Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thông báo mời họp (bản gốc), CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) và bản sao hợp lệ Giấy phép ĐKKD (đối với cổ đông với pháp nhân).
- * Trường hợp ủy quyền: người được ủy quyền khi tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thông báo mời họp (bản gốc), CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (bản gốc) và photo CMND/CCCD/hộ chiếu (đối với cổ đông thể nhân) hoặc bản sao hợp lệ Giấy phép ĐKKD (đối với cổ đông pháp nhân) của bên ủy quyền.

VI- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp (ngoài những nội dung chính ở trên). Kiến nghị phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ: Ban Đầu tư Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam; Tầng 7-141 Lê Duẩn-Hoàn Kiếm-Hà Nội chậm nhất đến 17h00 ngày 18/04/2024 (ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội).

VII- Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban tổ chức, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội chậm nhất đến 17h00 ngày 19/04/2024 bằng điện thoại hoặc fax theo địa chỉ:

Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Tầng 7 - 141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-24) 3942 7859; Fax: (84-24) 3942 2351; Email: investment@vinare.com.vn

- Thông báo này thay cho thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Thông báo mời họp.
- Tài liệu liên quan đến nội dung, chương trình họp và mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội được đăng tải trên website: www.vinare.com.vn.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH





Nguyễn Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Thời gian	:	8h30 thứ Ba, ngày 23 tháng 4 năm 2024
Địa điểm	:	Tầng 8, trụ sở Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Thành phần tham dự	:	Các cổ đông VINARE, thành viên HĐQT, BKS, BDH VINARE

NỘI DUNG

8:30 – 8:45	<ul style="list-style-type: none">• Đăng ký, thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
8:45 – 9:00	<ul style="list-style-type: none">• Tuyên bố lý do Đại hội• Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông• Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu• Chủ tịch HĐQT khai mạc Đại hội, thông báo chương trình Đại hội
9:00 – 10:00	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kết quả kinh doanh 2023 và kế hoạch kinh doanh 2024• Báo cáo kết quả Phát hành cổ phiếu Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023• Tờ trình về phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT 2023• Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2023
10:10 – 10:20	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của HĐQT 2023• Báo cáo của BKS 2023• Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2024
10:20 – 11:00	<ul style="list-style-type: none">• Thảo luận, biểu quyết:<ul style="list-style-type: none">- Nội dung 1: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2023- Nội dung 2: Thông qua kế hoạch kinh doanh 2024- Nội dung 3:<ul style="list-style-type: none">- 3.1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức 2023- 3.2. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2023- Nội dung 4: Thông qua thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT 2023- Nội dung 5: Thông qua báo cáo của HĐQT 2023- Nội dung 6: Thông qua báo cáo của BKS 2023- Nội dung 7: Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2024- Nội dung khác (nếu có)
11:00 – 11:15	<ul style="list-style-type: none">• Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu• Thông qua toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội• Chủ tịch HĐQT bế mạc Đại hội



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2023 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2024

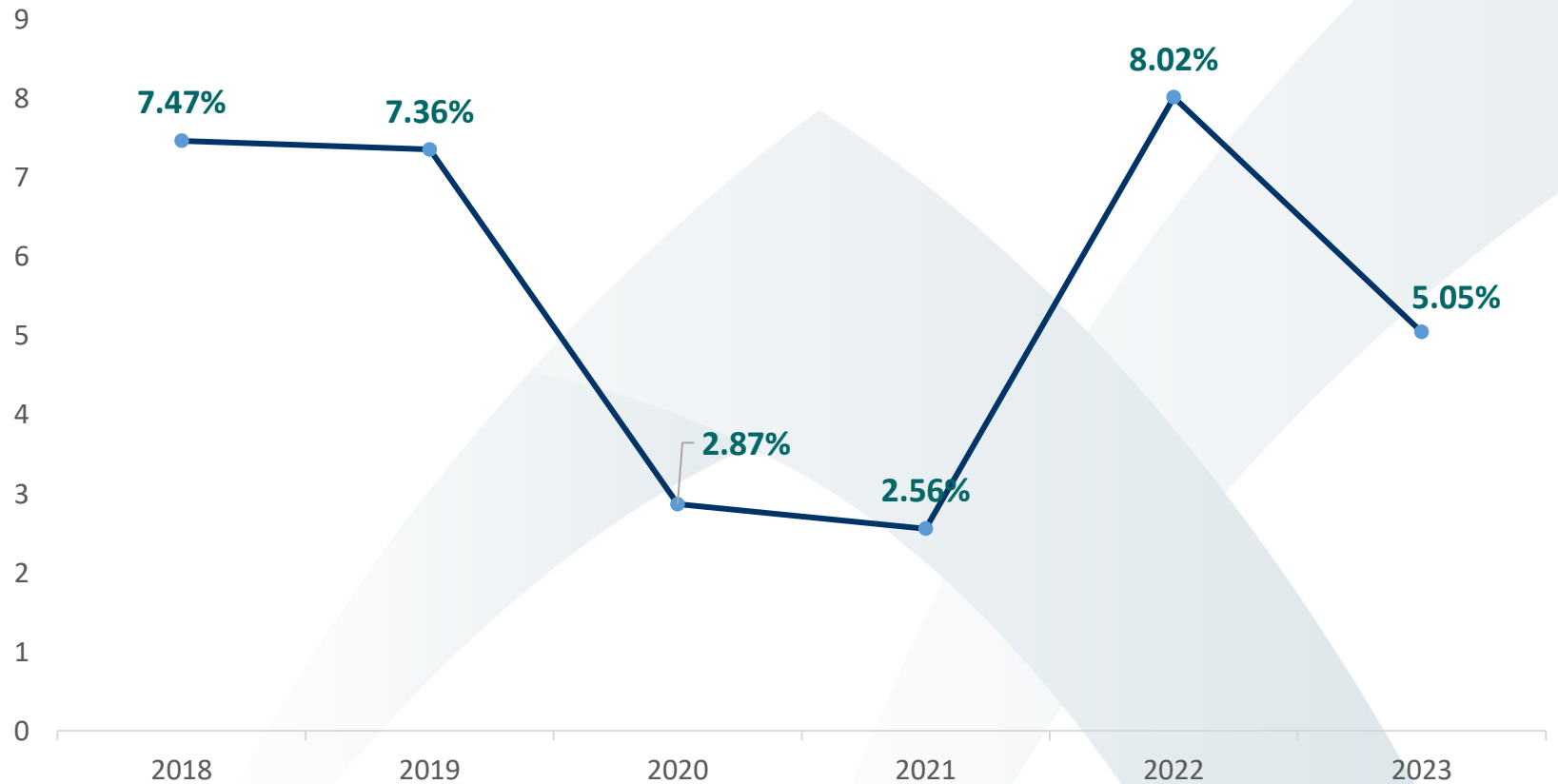
Nội dung

- 1 Kinh tế Việt nam và Thị trường bảo hiểm 2023**
- 2 Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2023**
- 3 Kết quả đầu tư tài chính 2023**
- 4 Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2024**

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2023

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5.05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2.87% và 2.55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.
- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.83%, đóng góp 8.84% vào GDP chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3.74%, đóng góp 28.87%; khu vực dịch vụ tăng 6.82%, đóng góp 62.29%
- Xuất nhập khẩu sụt giảm và chịu tác động tiêu cực rõ nét: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355.05 tỷ USD, giảm 4.4% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 327.5 tỷ USD, giảm 8.9% so với năm trước.
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 6.2% so với năm trước.
- Vốn đầu tư đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36.6 tỷ USD, tăng 32.1% so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện ước đạt 23.18 tỷ USD, tăng 3.5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.
- Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3.25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 4.16% so với năm 2022.

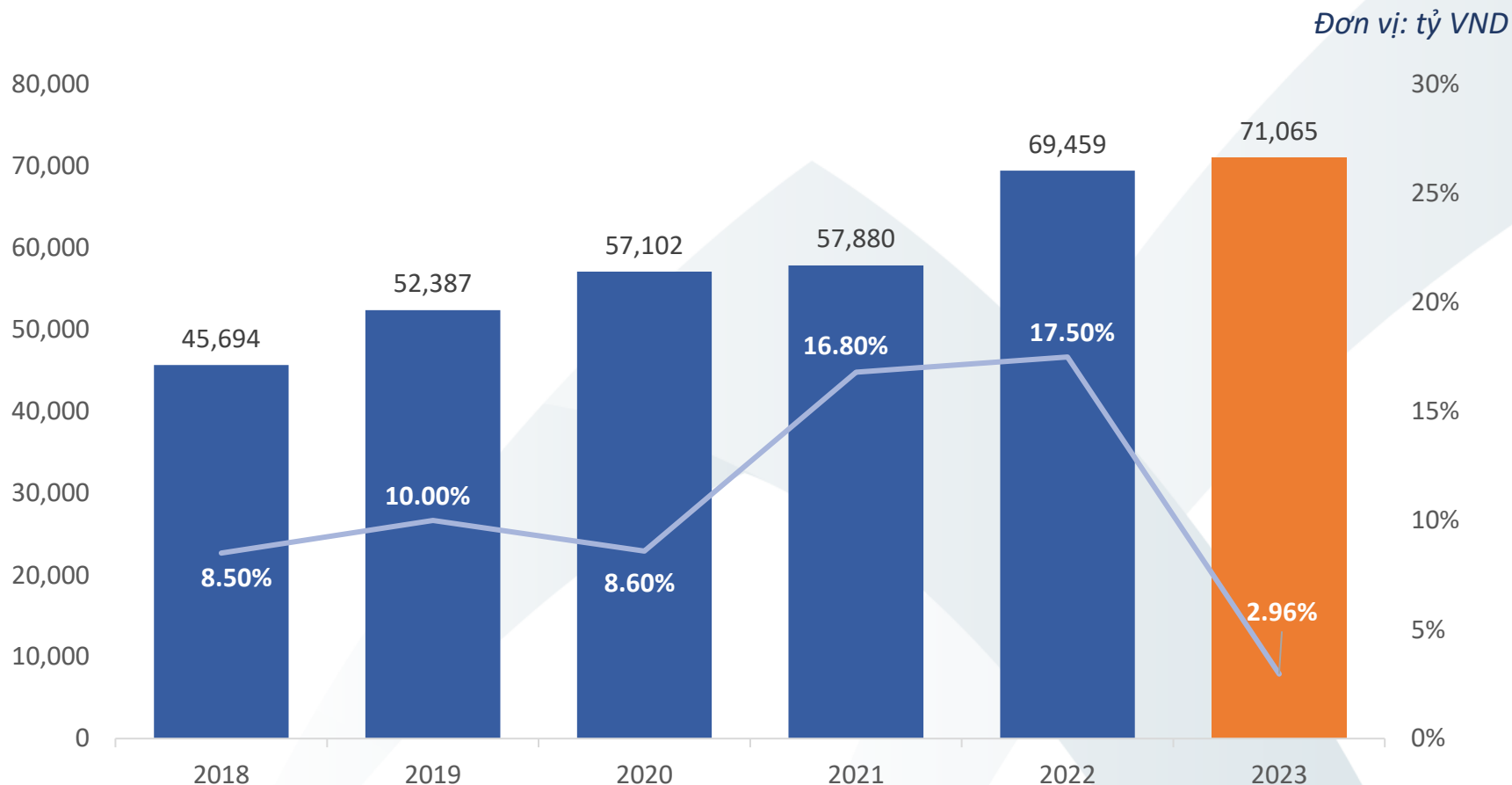
Tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2023

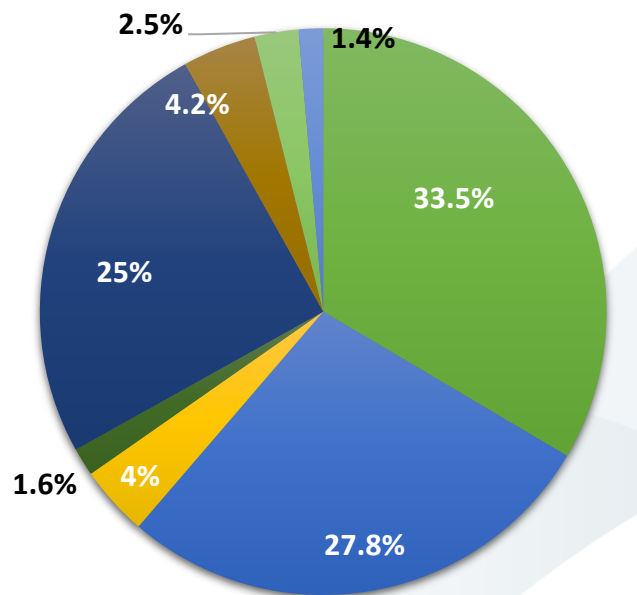
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ QUA CÁC NĂM



Nguồn: Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam

Doanh thu phí thị trường theo nghiệp vụ 2023

Tỷ trọng theo nghiệp vụ



Tốc độ tăng trưởng theo nghiệp vụ

Nghiệp vụ	Tỷ lệ tăng trưởng
BH Con người, sức khỏe	0.3%
BH Tài sản, Kỹ thuật	11.1%
BH Hàng Hóa	-10.8%
BH Hàng không	7.9%
BH Xe cơ giới	-1.9%
BH Tàu (Thân tàu, P&I)	5.9%
BH trách nhiệm	25.2%
Tổng các nghiệp vụ bán lẻ (chiếm 59% thị phần)	-0.68%
Tổng các nghiệp có liên quan đến tái bảo hiểm (chiếm 41% thị phần)	+ 8.60%

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2023

- Theo số liệu sơ bộ của HHBH Việt Nam thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ tăng trưởng 2.96% - mức tăng trưởng thấp nhất được ghi nhận trong 5 năm trở lại đây.
- Sự sụt giảm của các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (chiếm gần 60% thị phần) như bảo hiểm con người, sức khỏe (giảm 0.3%), bảo hiểm xe cơ giới (giảm 1.9%) là tác nhân chính ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu thị trường.
- Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại duy trì tăng trưởng ổn định, ngoại trừ nghiệp vụ Hàng hóa giảm 10.8% do ảnh hưởng từ sự sụt giảm của kim ngạch xuất nhập khẩu.
- Tình trạng cạnh tranh phi kỹ thuật thông qua hạ phí, mở rộng điều khoản tiếp tục diễn ra với hầu hết các nghiệp vụ, đặc biệt là các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại lớn như Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải, Trách nhiệm.
- Các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục đẩy mạnh việc bán, phân phối sản phẩm qua hệ sinh thái số (apps, ngân hàng số, các kênh bán online.....).

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2023

- Luật kinh doanh Bảo hiểm 2022 hiệu lực từ 01/01/2023
- Thông tư 70/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hiệu lực từ 01/01/2023
- Nghị định 46/2023/NĐ-CP của Chính phủ hiệu lực từ 01/07/2023
- Thông tư 67/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính hiệu lực từ 02/11/2023
- Nghị định 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ hiệu lực từ 06/09/2023

Tác động chính:

- + Nâng cao trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành trong việc tổ chức, giám sát việc thực thi quản trị rủi ro doanh nghiệp
- + Vốn điều lệ tối thiểu: VINARE phải có Vốn điều lệ tối thiểu 1.400 tỷ đồng (đáp ứng)
- + DNBH có trách nhiệm tách Doanh thu – Chi phí phát sinh từ nguồn VSCH và nguồn phí bảo hiểm. VINARE không có thỏa thuận về việc thu phí và bồi thường BH trực tiếp với bên mua BH nên không phải thực hiện tách nguồn (điều 42, Thông tư 67).
- + Bảo hiểm Cháy Nổ bắt buộc và BH bắt buộc trong hoạt động đầu tư Xây dựng (BH Tài sản, Kỹ Thuật) của Thị trường chung sẽ giảm phí do Nghị định 67 cho phép Tăng/Giảm tối đa 25% so với Biểu phí bắt buộc

Kết quả chung 2023

Các giải thưởng trong năm 2023

**Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất
(Vietnam Report - FAST500)**

**Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận cao nhất
(Vietnam Report – PROFIT 500)**

**Top 10 DN quản trị công ty tốt - nhóm vốn hóa vừa
(VCLA 2023)**



**Top 10 Công ty niêm yết quản trị công ty tốt 2022 - 2023
(HNX)**



**Top 12 HĐQT cam kết thực hành tốt QTCT – Top 5 HĐQT có tính đa dạng cao
(VIOD)**

**Giấy khen “Thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh”
(Hiệp hội Bảo hiểm VN)**

**Top Thương hiệu mạnh – Phát triển bền vững
(VnEconomy – VN Economic Times)**

Các chỉ tiêu chính 2023

Tổng doanh thu

3,433 tỷ

↑ 15.6%



Doanh thu phí nhận

2,677 tỷ

↑ 13.0%



Lợi nhuận trước thuế

473.6 tỷ

↑ 7.8%



Xếp hạng tín nhiệm

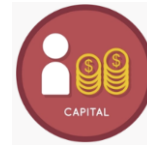
B++
Good



Vốn điều lệ

1,658 tỷ

↑ 10%



ROE

11.53%



Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2023

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023

Đơn vị: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	TH/KH 2023	Thực hiện 2022	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2,677,422	2,468,000	108.5%	2,368,870	113.0%
<i>Các nghiệp vụ TBH cốt lõi</i>	<i>2,540,491</i>	<i>2,168,000</i>	<i>117.2%</i>	<i>1,971,254</i>	<i>128.9%</i>
<i>Nghiệp vụ liên kết với TCTD (Banca PA)</i>	<i>136,932</i>	<i>300,000</i>	<i>45.6%</i>	<i>397,536</i>	<i>34.4%</i>
Lợi nhuận trước thuế	473,642	460,000	103.0%	439,371	107.8%

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

Đơn vị: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	So sánh cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2023	So sánh TH/KH (%)
Kỹ thuật	389,236	342,629	113.6%	380,000	102.45
Tài sản	999,948	808,109	123.7%	890,000	112.4%
Hàng hải	534,081	453,314	117.8%	478,000	111.7%
Hỗ trợ	617,226	367,202	168.1%	420,000	147.0%
Cộng	2,540,491	1,971,335	128.9%	2,168,000	117.2%
BH liên kết TCTD – Banca PA	136,931	397,536	34.4%	300,000	45.6%
Tổng	2,677,422	2,368,870	113.0%	2,468,000	108.5%

Tình hình bồi thường 2023

Đơn vị: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	2023	2022	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận TBH (1)	1,025,531	976,933	105.0%
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	562,583	616,506	91.3%
Chi bồi thường thuộc TNGL (3 = 1 – 2)	462,791	360,427	128.4%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (4)	53,130	(15,752)	
Bồi thường thuộc TNGL (5 = 3 + 4)	<u>516,078</u>	<u>344,675</u>	<u>149.7%</u>

Các tổn thất lớn ghi nhận trong 2023

(Một số tổn thất lớn nhất theo trách nhiệm nhận của VINARE)

Đơn vị: USD

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày tổn thất	100% tổn thất	TN nhận VNR	TNGL VNR
ADG & DUC THANH	Property	11/11/2023	6,738,197	1,347,639	808,583
CHARLENE – Alleged wet damage to bagged sugar	P&I	09/09/2022	4,690,423	1,031,893	590,993
ESD KOREA VINA	Property	12/01/2023	4,470,708	894,141	536,485
VIMC GREEN – Damage to cargo	P&I	12/09/2022	850,000	675,750	123,250
TAN BINH 134 – Alleged wet damage to green coke	P&I	10/09/2023	3,370,000	640,300	350,480
KWANG GUN TEXTILE	Property	13/07/2023	3,004,291	600,858	360,515
THANH CONG 36 – c/w fishing vessel at Thailand	P&I	24/06/2023	471,166	457,031	61,722
HOANG DUONG STAR – wet damage to rice cargo	P&I	27/11/2023	544,000	424,320	43,520
LIEN CHIEU PORT	Engineering	28/12/2023	1,565,217	345,913	72,372

Dự phòng nghiệp vụ 2023

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12/2022	+/- trong kỳ	31/12/2023
Nhận tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	1,148,013	+145,123	1,293,136
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,592,468	+20,210	1,612,678
Nhượng tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	539,132	+101,092	640,224
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	901,765	-38,218	863,547
Kết dư dự phòng (net)			
- Dự phòng phí	608,882	+44,030	652,912
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	690,703	+58,428	749,131
- Dự phòng dao động lớn	197,475	+13,555	211,030

Tình hình công nợ kinh doanh TBH

Đơn vị: Tr. VNĐ

	Dưới 1 năm	1 - 2 năm	2 - 3 năm	Trên 3 năm	Tổng
Công nợ phải thu	602,529	53,838	10,716	39,467	706,550
Công nợ phải trả	(605,263)	(58,344)	(11,326)	(48,341)	(723,274)
Net phải thu	(2,734)	(4,506)	(610)	(8,874)	(16,724)

Chi quản lý và dự phòng phải thu

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	2023	2022	KH 2023	So sánh	
				Cùng kỳ	TH/KH
Chi quản lý	116,808	103,051	119,000	113.3%	98.2%
Dự phòng phải thu	12,344	7,450	5,000	165.7%	246.9%
<u>Tổng</u>	<u>129,153</u>	<u>110,501</u>	<u>124,000</u>	<u>116.9%</u>	<u>104.2%</u>

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính 2023

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư

- Mặt bằng chung lãi suất tiền gửi huy động của các Ngân hàng tăng trong các tháng 9/2022-tháng 2/2023.
- Sau 4 đợt Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, mặt bằng lãi suất tiền gửi bình quân giảm mạnh trong quý 3+4/2023 và duy trì ở mức thấp.
- Năm 2023 là một năm nhiều biến động của thị trường chứng khoán. Đến ngày 31/12/2023, chỉ số VN-Index tăng 12.2% từ 1,007.09 điểm cuối năm 2022 lên 1,129.93 điểm. Tổng giá trị vốn hóa thị trường đến hết năm 2023 đạt hơn 240 tỷ USD, tương đương 56.4% GDP. Khác với năm 2022, khối ngoại đã đẩy mạnh bán ròng trong năm 2023 với giá trị bán ròng đạt 1 tỷ USD. Tuy nhiên, dòng tiền của nhà đầu tư trong nước đã giúp thị trường hồi phục, duy trì ổn định giai đoạn cuối năm 2023.
- Trên thị trường TPDN, tổng giá trị phát hành năm 2023 đạt 311,240 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2022. Ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng phát hành lớn nhất với 176,006 tỷ đồng (chiếm 56.5%), kế đến là ngành Bất động sản với 73,202 tỷ đồng (chiếm 23.5%).
- Thị trường bất động sản vẫn tiếp tục khó khăn tại tất cả các phân khúc đặc biệt là các phân khúc nhà ở dự án, nhà phố...; văn phòng cho thuê phục hồi chậm.

Tình hình phân bổ vốn đầu tư

Đơn vị : Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2023	Giá trị đầu tư 01/01/2023	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2,854,000	2,765,300	+88,700	59.3%
2	Trái phiếu	1,129,000	680,000	+449,000	23.5%
3	Góp vốn DN khác	494,296	494,296	0	10.3%
4	Ủy thác đầu tư, CCQ	320,000	315,000	+5,000	6.6%
5	Văn phòng cho thuê	2,773	4,591	-1,818	0.1%
6	Đầu tư BĐS	10,969	11,206	-238	0.2%
7	Tiền trên TK thanh toán(*)	3,745	51,000	-47,255	0.1%
	Tổng cộng	<u>4,814,783</u>	<u>4,321,393</u>	<u>+493,389</u>	<u>100.0%</u>

(*) Bao gồm số dư ngoại tệ quy đổi

Kết quả hoạt động đầu tư & khác 2023

Đơn vị: Tr. VNĐ

Danh mục	2023			2022			KH 2023	So với 2022	So với KH 2023
	DThu	Chi phí	Lợi nhuận	DThu	Chi phí	Lợi nhuận	Lợi nhuận		
Tiền gửi	272,763	0	272,763	146,780	0	146,780	240,000	185.8%	113.7%
Trái phiếu	61,979	0	61,979	46,782	0	46,782	58,300	132.5%	106.3%
Góp vốn DN	123,814	(3,633)	127,447	131,515	5,330	126,185	129,700	101.0%	98.3%
Ủy thác đầu tư, CCQ	6,921	(14,288)	21,209	30,570	29,154	1,416	20,000	1,497.8%	106.0%
Cho thuê VP	6,497	2,146	4,351	6,184	2,281	3,903	4,000	111.5%	108.8%
Thu khác, CLTG	19,775	44,971	(25,196)	57,079	69,505	(12,426)	(17,000)	202.8%	148.2%
Tổng cộng	<u>491,749</u>	<u>29,196</u>	<u>462,553</u>	<u>418,910</u>	<u>106,270</u>	<u>312,640</u>	<u>435,000</u>	<u>148.0%</u>	<u>106.3%</u>

Đánh giá hoạt động đầu tư

- Tổng tài sản đầu tư đến 31/12/2023 đạt 4,815 tỷ đồng, tăng 493 tỷ đồng (+11.4%) so với cuối năm 2022.
- Cơ cấu phân bổ vốn: tăng phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu (+449 tỷ gồm: tất toán trước hạn 20 tỷ & đầu tư mới 469 tỷ, chiếm tỷ trọng 23.4%) và danh mục tiền gửi (+88 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 59%).
- Lợi nhuận đầu tư đạt 462.5 tỷ đồng, hoàn thành 106.3% kế hoạch. Nguyên nhân do:
 - Tranh thủ được các thời điểm lãi suất tiền gửi ở mức cao
 - Tăng đầu tư vào trái phiếu tăng vốn cấp II của các ngân hàng có coupon tốt hơn lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn
 - Nguồn tiền cho hoạt động đầu tư tăng

Các hoạt động khác 2023

Một số hoạt động trọng tâm

XÂY DỰNG THỂ CHẾ	Thực hiện
Ban hành chính sách quản trị rủi ro và quy định nội bộ về quản trị rủi ro theo quy định của Thông tư 70/2022/TT-BTC	QLRR & KSTT
Quy chế Văn thư lưu trữ	NS-TH
Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin	IT
TỔ CHỨC BỘ MÁY	
Bổ nhiệm 02 Phó Tổng giám đốc	NS-TH
Bổ nhiệm 01 Giám đốc Ban và 02 Phó Giám đốc Ban	NS-TH
Hoàn thành bổ nhiệm lại đối với các vị trí cán bộ quản lý đến hạn	NS-TH

Một số hoạt động trọng tâm

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM KHÁC

Rating: tiếp tục duy trì FSR B++ và ICR bbb+ (AM Best)

Nhóm dự án
Rating

Hoàn thành Báo cáo Quản lý rủi ro

QLRR & KSTT

Hoàn thành kế hoạch Kiểm toán nội bộ

KTNB

Phát hành 02 Bản tin tiếng Việt và tiếng Anh

NS-TH, Tổ Biên tập

Hoàn thành nghiệm thu Dự án ViCore

Ban Dự án ViCore

Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2024

Dự báo tình hình kinh tế 2024

- Dự báo kinh tế thế giới không có nhiều lạc quan trong năm 2024. Rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị. Áp lực từ giá dầu thô, lương thực biến động mạnh, chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài ở nhiều quốc gia...
- Mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2024 của Việt Nam: 6 - 6.5%.
- Chính phủ, Bộ Tài chính tiếp tục tăng cường các giải pháp thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững; nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong thời gian sớm nhất; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 theo Quyết định 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.
- Mặt bằng lãi suất năm 2023 đã rất thấp, Quý 1/2024 tiếp tục giảm. Dự báo mặt bằng lãi suất ở mức thấp này còn duy trì trong năm 2024.

Dự báo tình hình thị trường BH/ TBH 2024

- Thị trường BH phi nhân thọ Việt Nam tăng trưởng 2.96% trong năm 2023. Dự báo khả năng sẽ chỉ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng thấp trong năm 2024.
- Các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (con người, xe cơ giới...) dự kiến khó có thể có sự phục hồi tốt trong năm 2024 do khó khăn chung của nền kinh tế.
- Cạnh tranh trong khai thác các loại hình bảo hiểm thương mại nhiều khả năng gia tăng, đặc biệt với nghiệp vụ Tài sản khi áp dụng Nghị định 67/2023/NĐ-CP.
- Thiên tai ngày càng nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng lớn và tiêu cực đến bồi thường bảo hiểm và tái bảo hiểm.
- Các nhà TBH quốc tế vẫn tiếp tục tập trung vào quản lý chặt chẽ hơn các điều kiện cung cấp, hướng đến lợi nhuận nghiệp vụ → việc thu xếp tái bảo hiểm còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các dịch vụ tạm thời.

Chủ trương của VINARE 2024

- **Chủ trương chung:** Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình TBH, các giải pháp phát triển bền vững);
- **Một số lĩnh vực cụ thể:**
 - ❖ **Kinh doanh Tái bảo hiểm**
 - Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới.
 - Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận TBH Kỹ thuật và các nghiệp vụ truyền thống có lãi.
 - Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá), Tài sản
 - Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm
 - Tham gia một cách có kiểm soát chặt chẽ nghiệp vụ BH xe cơ giới trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Chủ trương của VINARE 2024

❖ Tổ chức bộ máy và quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn chỉnh Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty

❖ Đầu tư:

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn
- Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư
- Thường xuyên rà soát tài sản đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý; thường xuyên đánh giá rủi ro các khoản mục đầu tư, đảm bảo an toàn – hiệu quả - bền vững.
- Tiếp tục thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest
- Rà soát, đánh giá danh mục góp vốn vào các doanh nghiệp

Kế hoạch kinh doanh 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2,918,000	2,677,422	9.0%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2,778,000	2,540,491	9.3%
- Nghiệp vụ Banca PA	140,000	136,932	
Lợi nhuận trước thuế	505,000	473,642	6.6%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

Nhiệm vụ trọng tâm 2024

1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2024 và các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh 2020 - 2024.
2. Tổ chức các hoạt động thiết thực hướng tới Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Tổng công ty.
3. Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới; tăng cường giải pháp/ năng lực TBH cho thị trường.
4. Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, tiếp tục phát triển, mở rộng thị trường.
5. Tiếp tục tăng cường công tác quản trị công ty theo quy định và thông lệ tốt trong nước và quốc tế phù hợp; hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
6. Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
7. Triển khai kế hoạch phát triển bền vững (ESG) theo lộ trình đã được phê duyệt.
8. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
9. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
10. Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.



BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 08/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 13/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/08/2023 và Quyết định số 14/2023/QĐ-HĐQT ngày 09/08/2023, Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) đã triển khai phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, VINARE đã hoàn thành toàn bộ các công việc liên quan và vốn điều lệ tăng lên mức 1.658.106.170.000 đồng. VINARE xin được báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện như sau:

I/ Phương án phát hành cổ phiếu:

Ngày 10/10/2023, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) đã có Thông báo số 2672/TB-VSDC về ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 cho các cổ đông VINARE với các thông tin như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/10/2023
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 150.737.130 cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện: 10:01 (*tại ngày chốt danh sách, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu phát hành mới*)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 15.073.713 cổ phiếu
- Nguồn vốn phát hành: trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu trả cổ tức phân phối cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ do nguyên tắc tính toán sẽ bị hủy.

II/ Kết quả phát hành:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 15.073.487 cổ phiếu, trong đó
 - + Số cổ phiếu đã phân phối: 15.073.487 cổ phiếu cho 1.282 cổ đông
 - + Số cổ phiếu lẻ: 226 cổ phiếu bị hủy
- Tỷ lệ phân phối cổ phiếu: 99,9 %
- Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 1.658.106.170.000 đồng

(Theo số liệu tại Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số S064/2023-VNR/VSDC ngày 24/10/2023 của VSDC)

Ngày 01/11/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có văn bản số 7394/UBCK-QLCB thông qua Báo cáo của VINARE số 208/2023/ĐT-VNR ngày

27/10/2023 về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông của VINARE.

III/ Đăng ký tăng vốn với Bộ Tài chính và sửa đổi Điều lệ:

Ngày 11/09/2023, Bộ Tài chính có văn bản số 9631/BTC-QLBH chấp thuận nguyên tắc phương án phát hành tăng vốn điều lệ của VINARE.

Ngày 19/02/2024, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh lần thứ 6 số 28/GPĐC6/KDBH, điều chỉnh tăng vốn điều lệ của VINARE lên 1.658.106.170.000 đồng.

Ngày 28/02/2024, VINARE đã thực hiện sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động lần thứ 8 cập nhật vốn điều lệ mới.

IV/ Niêm yết và lưu ký bổ sung:

Ngày 01/12/2023, VSDC cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 16/2008/GCNCP-VSDC-5 thay đổi lần thứ năm để đăng ký bổ sung 15.073.487 cổ phiếu của VINARE.

Ngày 08/12/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 1295/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 15.073.487 cổ phiếu của VINARE.

Ngày 22/12/2023 là ngày giao dịch chính thức đầu tiên của 15.073.487 cổ phiếu bổ sung sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 của VINARE.

Như vậy, VINARE đã hoàn thành công việc liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2023.

Tổng Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Anh Tuấn

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi tức, thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2023;
(Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 23/4/2024)*

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Căn cứ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc phân phối lợi tức thực hiện và kết quả kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị VINARE trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và trình ĐHĐCĐ thông qua:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2023: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 7.713.256.003.162 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.445.920.422.237 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.503.770.377.605 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 3.116.844.047.437 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022 (VND)	Thực hiện 2023 (VND)	KH 2023 (VND)	So sánh 2023/KH	So sánh 2023/22
1. Doanh thu phí nhận TBH	2.368.870.128.678	2.677.422.217.971	2.468.000.000.000	108,5%	113,0%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	1.971.334.594.477	2.540.490.558.040	2.168.000.000.000	117,2%	128,9%
- Nghiệp vụ PA	397.535.534.201	136.931.659.931	300.000.000.000	45,6%	34,4%
2. Lợi nhuận trước thuế	439.371.248.415	473.642.225.093	460.000.000.000	103,0%	107,8%
2.1. Lợi nhuận được phân phối	437.753.353.406	500.458.600.461	460.000.000.000	108,8%	114,3%
2.2. Lợi nhuận không được phân phối (Chênh lệch tỷ giá)	1.617.895.009	(26.816.375.368)			

(Báo cáo tài chính riêng 2023 đã được kiểm toán đính kèm)

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023: Một số chỉ tiêu chính:

- Tổng tài sản: 8.002.256.148.750 VND

- Vốn chủ sở hữu: 3.717.333.916.781 VND
 - Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nợ TBH: 1.503.770.377.605 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 3.116.844.047.437 VND
- (Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã được kiểm toán đính kèm)

2. Phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023:

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1. Lợi nhuận còn lại tại ngày 01/01/2023	827.720.556.907
- Lợi nhuận được phân phối	751.967.954.708
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	75.752.602.199
2. Chi cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)¹	150.734.870.000
3. Lợi nhuận sau thuế năm 2023	
3.1. Lợi nhuận thực hiện	397.218.403.717
- Lợi nhuận được phân phối	424.034.779.085
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	(26.816.375.368)
3.2. Phân phối lợi nhuận	359.393.677.221
- Quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế) ²	15.073.487.000
- Quỹ đầu tư phát triển	-
- Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	6.360.521.686
- Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	6.338.434.535
- Chi cổ tức năm 2023 bằng tiền (tỷ lệ 10%)	165.810.617.000
- Chi cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	165.810.617.000
4. Lợi nhuận còn lại lũy kế (4=1-2+3)	714.810.413.403
- Lợi nhuận được phân phối	665.874.186.572
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	48.936.226.831

2.1. Tỷ lệ cổ tức năm 2023:

- ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 dự kiến: 12%.
- Tỷ lệ cổ tức năm 2023 trình ĐHĐCĐ thông qua:
 - + 10% bằng tiền và;
 - + 10% bằng cổ phiếu.

¹ Nghị quyết số 13/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 8 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

² Quỹ dự trữ bắt buộc tối đa khung quỹ 10% vốn điều lệ theo quy định pháp luật hiện hành

2.2 Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2023 là: 2.170.219.780 VND (Mức chi thù lao theo quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015 của Hội đồng quản trị).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		5.552.151.365.464	5.018.563.992.986
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	66.325.858.527	62.060.369.355
111	Tiền		6.325.858.527	50.760.369.355
112	Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	11.300.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn	4(a)	2.595.972.070.188	2.395.021.691.753
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.601.464.828.212	2.396.530.296.150
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(5.492.758.024)	(1.508.604.397)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.012.060.584.537	700.682.675.534
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	723.178.236.711	574.051.278.975
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		723.154.039.411	574.020.303.681
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		24.197.300	30.975.294
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		297.622.326	-
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	315.568.723.682	147.440.317.958
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(26.983.998.182)	(20.808.921.399)
140	Hàng tồn kho		101.234.000	63.135.360
141	Hàng tồn kho		101.234.000	63.135.360
150	Tài sản ngắn hạn khác		373.921.240.607	419.838.946.028
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	373.921.240.607	419.833.617.004
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		373.728.468.432	419.575.164.824
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		192.772.175	258.452.180
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.329.024
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.503.770.377.605	1.440.897.174.956
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	640.223.634.985	539.131.785.146
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	863.546.742.620	901.765.389.810

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)		2.161.104.637.698	1.843.107.137.681
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.742.328.766	30.512.727.357
218	Phải thu dài hạn khác		36.911.702.699	30.512.727.357
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.9	28.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	8.911.702.699	8.512.727.357
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(6.169.373.933)	-
220	Tài sản cố định		25.031.793.841	7.475.165.347
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	11.742.109.000	7.475.165.347
222	Nguyên giá		37.522.627.771	31.352.944.471
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.780.518.771)	(23.877.779.124)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	13.289.684.841	-
228	Nguyên giá		16.337.470.733	32.392.480.734
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.047.785.892)	(32.392.480.734)
230	Bất động sản đầu tư	10	2.772.668.242	4.591.264.839
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(31.282.393.651)	(29.463.797.054)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.616.690.000	7.270.481.576
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.616.690.000	7.270.481.576
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.097.387.325.775	1.791.026.458.388
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	309.296.176.180	309.296.176.180
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b), 4(c)	-	(28.079.427.638)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	1.603.091.149.595	1.324.809.709.846
260	Tài sản dài hạn khác		3.553.831.074	2.231.040.174
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.123.428.874	1.489.415.725
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.430.402.200	741.624.449
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		7.713.256.003.162	6.861.671.130.667


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		4.267.335.580.925	3.649.533.025.926
310	Nợ ngắn hạn		4.265.861.294.119	3.648.480.666.350
311	Phải trả cho người bán	11	832.054.129.130	446.338.966.173
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		826.680.842.178	444.926.702.759
311.2	- Phải trả khác cho người bán		5.373.286.952	1.412.263.414
312	Người mua trả tiền trước		356.646.203	641.838.862
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	17.460.170.966	30.241.330.801
314	Phải trả người lao động		30.256.834.159	23.553.328.343
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.344.632.521	1.227.469.537
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13(a)	60.910.080.132	35.217.900.275
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)	147.555.514.424	112.203.575.689
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	25.410.877.397	32.662.726.852
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	33.668.361.750	28.436.745.506
329	Dự phòng nghiệp vụ	16	3.116.844.047.437	2.937.956.784.312
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.293.136.059.212	1.148.013.393.804
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.612.677.750.394	1.592.468.265.070
329.3	- Dự phòng dao động lớn		211.030.237.831	197.475.125.438
330	Nợ dài hạn		1.474.286.806	1.052.359.576
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	1.474.286.806	1.052.359.576
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		3.445.920.422.237	3.212.138.104.741
410	Vốn chủ sở hữu		3.445.920.422.237	3.212.138.104.741
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	1.658.106.170.000	1.507.371.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.658.106.170.000	1.507.371.300.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17,18	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	205.815.380.525	205.815.380.525
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	165.810.617.000	150.737.130.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	18	1.046.431.647.403	978.457.686.907
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		676.985.686.907	637.366.961.090
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm này		369.445.960.496	341.090.725.817
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		7.713.256.003.162	6.861.671.130.667


Nguyễn Thành Công
Người lập


Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán



Mai Xuân Dũng 
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

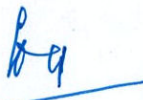
Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM


Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2023	31/12/2022
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	36.202,05	2.068.564,40
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	24.957,24	74,24



 Nguyễn Thành Công
 Người lập



 Nguyễn Thành Công
 Phụ trách kế toán



 Mai Xuân Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.630.052.986.042	1.514.308.357.861
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.497.347.116	6.183.638.229
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24	484.490.382.234	411.740.714.725
13	Thu nhập khác		762.181.583	985.724.488
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.489.811.820.648)	(1.277.076.254.994)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.146.238.632)	(2.280.953.244)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25	(26.229.167.976)	(103.262.975.048)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(129.152.794.497)	(110.501.066.179)
24	Chi phí khác		(820.650.129)	(725.937.423)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24)		473.642.225.093	439.371.248.415
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29	(78.112.599.127)	(84.333.563.188)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	1.688.777.751	(209.328.546)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)		397.218.403.717	354.828.356.681

Nguyễn Thành Công
Người lập

Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.2-1.3)	19	2.532.299.552.563	2.316.377.064.685
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.677.422.217.971	2.368.870.128.678
1.3	- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	16(a)	145.122.665.408	52.493.063.993
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1+2.2)	20	(1.197.763.434.817)	(1.035.745.910.966)
2.1	- Phí nhượng tái bảo hiểm		(1.298.855.284.656)	(1.094.025.626.781)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	101.091.849.839	58.279.715.815
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1+2)		1.334.536.117.746	1.280.631.153.719
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (4=4.1+4.2)		295.516.868.296	233.677.204.142
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	22(a)	263.949.619.993	214.834.397.860
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm	23(a)	31.567.248.303	18.842.806.282
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		1.630.052.986.042	1.514.308.357.861
11	Chi bồi thường	21	(1.025.531.240.115)	(976.933.211.110)
11.1	- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	21	(1.025.531.240.115)	(976.933.211.110)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	562.583.052.592	616.506.062.624
13	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	21	6.564.557.835	(169.200.647.067)
14	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	(46.565.523.767)	(153.448.695.516)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+12-13+14)	21	(516.078.269.125)	(344.675.196.935)
16	Tăng/(giảm) dự phòng dao động lớn	16(b)	13.555.112.393	12.710.852.649
17	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		(960.178.439.130)	(919.690.205.410)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	22(b)	(821.560.935.278)	(892.989.696.846)
17.2	- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(b)	(138.617.503.852)	(26.700.508.564)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15-16+17)		(1.489.811.820.648)	(1.277.076.254.994)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10+18)		140.241.165.394	237.232.102.867
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.497.347.116	6.183.638.229
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.146.238.632)	(2.280.953.244)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20+21)		4.351.108.484	3.902.684.985

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	24	484.490.382.234	411.740.714.725
24	Chi phí hoạt động tài chính	25	(26.229.167.976)	(103.262.975.048)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23+24)		458.261.214.258	308.477.739.677
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(129.152.794.497)	(110.501.066.179)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25+26)		473.700.693.639	439.111.461.350
31	Thu nhập khác		762.181.583	985.724.488
32	Chi phí khác		(820.650.129)	(725.937.423)
40	(Chi phí)/lợi nhuận khác - số thuần (40=31+32)		(58.468.546)	259.787.065
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		473.642.225.093	439.371.248.415
51	Thuế TNDN hiện hành	29	(78.112.599.127)	(84.333.563.188)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	1.688.777.751	(209.328.546)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)		397.218.403.717	354.828.356.681



Nguyễn Thành Công
Người lập



Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		5.646.385.571.351	5.110.927.838.927
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	67.490.368.460	62.299.850.107
111	Tiền		7.490.368.460	50.999.850.107
112	Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	11.300.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn		2.655.222.070.188	2.448.421.841.342
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.660.714.828.212	2.449.930.445.739
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	4(b)	(5.492.758.024)	(1.508.604.397)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.040.807.394.087	734.437.899.128
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	723.178.236.711	574.051.278.975
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		723.154.039.411	574.020.303.681
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		24.197.300	30.975.294
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		426.622.326	210.900.000
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	354.492.495.480	199.397.155.234
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(37.289.960.430)	(39.221.435.081)
140	Hàng tồn kho	8	3.772.034.000	3.733.935.360
141	Hàng tồn kho		4.016.665.455	3.978.566.815
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(244.631.455)	(244.631.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		375.323.327.011	421.137.138.034
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	373.921.240.607	419.833.617.004
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		373.728.468.432	419.575.164.824
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		192.772.175	258.452.180
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		1.402.086.404	1.298.192.006
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.329.024
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.503.770.377.605	1.440.897.174.956
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	640.223.634.985	539.131.785.146
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	19(a)	863.546.742.620	901.765.389.810

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)		2.355.870.577.399	2.015.550.990.215
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.742.328.766	24.343.353.424
218	Phải thu dài hạn khác		30.742.328.766	24.343.353.424
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.11	28.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.742.328.766	2.343.353.424
220	Tài sản cố định		25.031.793.841	7.475.165.347
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	11.742.109.000	7.475.165.347
222	Nguyên giá		37.522.627.771	31.352.944.471
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.780.518.771)	(23.877.779.124)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	13.289.684.841	-
228	Nguyên giá		16.379.185.933	32.434.195.934
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.089.501.092)	(32.434.195.934)
230	Bất động sản đầu tư	11	2.772.668.242	4.591.264.839
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(31.282.393.651)	(29.463.797.054)
240	Tài sản dở dang dài hạn		6.411.675.248	21.306.605.255
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	4.794.985.248	14.036.123.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.616.690.000	7.270.481.576
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.279.499.946.895	1.947.745.227.843
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(c)	362.362.621.120	338.240.028.217
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	309.296.176.180	309.296.176.180
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c), 4(d)	-	(24.600.686.400)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	1.607.841.149.595	1.324.809.709.846
260	Tài sản dài hạn khác		11.412.164.407	10.089.373.507
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	1.123.428.874	1.489.415.725
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.430.402.200	741.624.449
268	Tài sản dài hạn khác	13	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		8.002.256.148.750	7.126.478.829.142


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		4.284.922.231.969	3.669.148.286.585
310	NỢ PHẢI TRẢ		4.283.447.945.163	3.668.095.927.009
311	Phải trả cho người bán	14	832.054.129.130	446.338.966.173
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		826.680.842.178	444.926.702.759
311.2	- Phải trả khác cho người bán		5.373.286.952	1.412.263.414
312	Người mua trả tiền trước		356.646.203	641.838.862
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.464.000.846	30.243.810.801
314	Phải trả người lao động		30.490.177.159	23.553.328.343
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.344.632.521	1.227.469.537
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	78.259.558.296	54.830.680.934
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	147.555.514.424	112.203.575.689
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	25.410.877.397	32.662.726.852
322	Quý khen thưởng phúc lợi	18	33.668.361.750	28.436.745.506
329	Dự phòng nghiệp vụ	19	3.116.844.047.437	2.937.956.784.312
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.293.136.059.212	1.148.013.393.804
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.612.677.750.394	1.592.468.265.070
329.3	- Dự phòng dao động lớn		211.030.237.831	197.475.125.438
330	Nợ dài hạn		1.474.286.806	1.052.359.576
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	1.474.286.806	1.052.359.576
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		3.717.333.916.781	3.457.330.542.557
410	Vốn chủ sở hữu		3.717.333.916.781	3.457.330.542.557
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	1.658.106.170.000	1.507.371.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.658.106.170.000	1.507.371.300.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20,21	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	206.077.621.278	206.077.621.278
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	165.810.617.000	150.737.130.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	21	1.283.616.274.891	1.191.435.474.370
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		889.963.474.370	825.016.470.707
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm này		393.652.800.521	366.419.003.663
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		33.966.626.303	31.952.409.600
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		8.002.256.148.750	7.126.478.829.142


Nguyễn Thành Công
Người lập


Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM


Mẫu số B 01 – DNPNT/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2023	31/12/2022
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	36.202,05	2.068.564,40
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	24.957,24	74,24




Nguyễn Thành Công
Người lập



Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán





Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNPNT/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

PHẦN I- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.630.052.986.042	1.514.308.357.861
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.334.444.389	13.822.954.311
12	Doanh thu hoạt động tài chính	28	474.108.028.979	400.134.424.278
13	Thu nhập khác		2.192.704.705	985.724.488
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.489.811.820.648)	(1.277.076.254.994)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(11.387.377.063)	(9.492.836.244)
22	Chi phí hoạt động tài chính	29	(23.168.978.009)	(102.322.056.599)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(126.800.153.314)	(116.490.295.677)
24	Chi phí khác		(820.650.129)	(725.937.423)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	39.164.096.869	39.783.389.736
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24)		499.863.281.821	462.927.469.737
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	(78.112.599.127)	(84.333.563.188)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	1.688.777.751	(209.328.546)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)		423.439.460.445	378.384.578.003
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.465	2.228
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.465	2.228



Nguyễn Thành Công
Người lập



Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.2-1.3)	23	2.532.299.552.563	2.316.377.064.685
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.677.422.217.971	2.368.870.128.678
1.3	- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	19(a)	145.122.665.408	52.493.063.993
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1+2.2)	24	(1.197.763.434.817)	(1.035.745.910.966)
2.1	- Phí nhượng tái bảo hiểm		(1.298.855.284.656)	(1.094.025.626.781)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	101.091.849.839	58.279.715.815
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1+2)		1.334.536.117.746	1.280.631.153.719
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		295.516.868.296	233.677.204.142
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	26(a)	263.949.619.993	214.834.397.860
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(a)	31.567.248.303	18.842.806.282
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		1.630.052.986.042	1.514.308.357.861
11	Chi bồi thường	25	(1.025.531.240.115)	(976.933.211.110)
11.1	- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	25	(1.025.531.240.115)	(976.933.211.110)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	562.583.052.592	616.506.062.624
13	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	25	6.564.557.835	(169.200.647.067)
14	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	(46.565.523.767)	(153.448.695.516)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+12-13+14)	25	(516.078.269.125)	(344.675.196.935)
16	Tăng/(giảm) dự phòng dao động lớn	19(b)	13.555.112.393	12.710.852.649
17	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		(960.178.439.130)	(919.690.205.410)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	26(b)	(821.560.935.278)	(892.989.696.846)
17.2	- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(b)	(138.617.503.852)	(26.700.508.564)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15-16+17)		(1.489.811.820.648)	(1.277.076.254.994)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10+18)		140.241.165.394	237.232.102.867
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.334.444.389	13.822.954.311
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(11.387.377.063)	(9.492.836.244)
22	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20+21)		(5.052.932.674)	4.330.118.067

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	28	474.108.028.979	400.134.424.278
24	Chi phí hoạt động tài chính	29	(23.168.978.009)	(102.322.056.599)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23+24)		450.939.050.970	297.812.367.679
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(126.800.153.314)	(116.490.295.677)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25+26)		459.327.130.376	422.884.292.936
31	Thu nhập khác		2.192.704.705	985.724.488
32	Chi phí khác		(820.650.129)	(725.937.423)
40	Lợi nhuận khác - số thuần (40=31+32)		1.372.054.576	259.787.065
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	39.164.096.869	39.783.389.736
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1)		499.863.281.821	462.927.469.737
51	Thuế TNDN hiện hành	33	(78.112.599.127)	(84.333.563.188)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	1.688.777.751	(209.328.546)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)		423.439.460.445	378.384.578.003
	Phân bổ cho			
61	Tổng Công ty		421.425.243.742	380.156.634.527
62	Cổ đông không kiểm soát		2.014.216.703	(1.772.056.524)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.465	2.228
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.465	2.228


Nguyễn Thành Công
Người lập


Nguyễn Thành Công
Phụ trách kế toán


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 69 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023

1. Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
- Mã cổ phiếu: VNR
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 165.810.617 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 165.810.617 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu: 16.581.061 cổ phần (*tương đương 10% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành*)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 165.810.610.000 đồng (*một trăm sáu mươi lăm tỷ tám trăm mười triệu sáu trăm mười nghìn đồng*)
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 1.823.916.780.000 đồng (*một nghìn tám trăm hai mươi ba tỷ chín trăm mười sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)
- Đối tượng và hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách phân bổ quyền để trả cổ tức bằng cổ phiếu).
- Tỷ lệ thực hiện: 10% (tương đương tỷ lệ 10:01) có nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu VNR tại ngày chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền, và cứ 10 quyền sẽ nhận được cổ tức là 01 cổ phiếu phát hành thêm.
- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu trả cổ tức phân phối cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ do nguyên tắc tính toán sẽ bị hủy.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu. Khi đó, Cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được nhận cổ tức là $123 \times 10\% = 12,3$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của Cổ đông A nhận được sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 12 cổ phiếu, phần cổ phiếu lẻ còn lại sẽ bị hủy.
- Nguồn vốn thực hiện: Số tiền dự kiến 165.810.610.000 đồng được trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2023 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu trả cổ tức là cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ và không bị hạn chế chuyển nhượng. Quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức không được chuyển nhượng.

- Thời gian thực hiện phát hành: Sau khi được chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Dự kiến trong Quý III, IV/2024.

2. Phương án sử dụng vốn điều lệ tăng thêm: nâng cao năng lực tài chính và quy mô hoạt động kinh doanh của VINARE.

3. Lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm của VINARE sẽ được lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

4. Nội dung giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam thực hiện các công việc sau đây:

+ Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty;

+ Quyết định lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành bao gồm cả việc xin chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành tăng vốn: Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ, điều chỉnh giấy phép của Tổng công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

+ Xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu VNR tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HNX theo quy định pháp luật.

+ Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

+ Chủ tịch Hội đồng Quản trị báo cáo kết quả phát hành tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

(Tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 23/4/2024)

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

A/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023

- Kết quả hoạt động kinh doanh 2023 theo kế hoạch ĐHĐCĐ phê duyệt:

Đơn vị: Tỷ VNĐ

	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	So 2022	So với KH 2023
Doanh thu phí nhận	2.677.422	2.468.000	2.368.870	113,0%	108,5%
- Các N.vụ TBH cốt lõi	2.540.491	2.168.000	1.971.254	128,9%	117,2%
- Nghiệp vụ PA	136.932	300.000	397.536	34,4%	45,6%
Lợi nhuận trước thuế	473.642	460.000	439.371	107,8%	103,0%

Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh 2023.

- Các thành tích nổi bật:

- Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (Vietnam Report)
- Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận cao nhất Việt Nam (Vietnam Report)
- Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt – nhóm vốn hóa vừa (VCLA 2023)
- Top 10 Công ty niêm yết quản trị công ty tốt 2022 - 2023 (HNX)
- Top 5 HĐQT có tính đa dạng cao (VIOD)
- Top 12 HĐQT cam kết thực hành tốt quản trị công ty (VIOD)
- Top Thương hiệu mạnh – Phát triển bền vững (VN Economy – VN Economic Times)
- Giấy khen “Thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh” (Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam)

B/ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2023

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 phiên họp thường kỳ; thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản (08 lần).

1. Các phiên họp Hội đồng quản trị trong năm 2023:

❖ **Phiên họp lần thứ nhất (Phiên họp HĐQT lần thứ 10, Nhiệm kỳ IV):** ngày 23/3/2023

- Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2022;
- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2022;
- Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2022;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022;
- Thông qua báo cáo kết quả thanh toán cổ phiếu Tiên Phong Bank trong năm 2022;
- Thông qua báo cáo kết quả triển khai xây dựng lại (nâng cấp và chuyển đổi) Hệ thống chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm;
- Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2023 và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn;
- Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban Kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2023;
- HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023.

❖ **Phiên họp lần thứ hai (Phiên họp HĐQT lần thứ 11, Nhiệm kỳ IV):** ngày 08/09/2023

- Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 của Tổng công ty;
- Ghi nhận báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2023 và tình hình thực hiện các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ;
- Chính sách, quy định nội bộ về quản trị rủi ro;
- Thông qua báo cáo nghiệm thu Dự án phần mềm nghiệp vụ Tái bảo hiểm (ViCore) theo đề xuất của Ban Điều hành;
- Đồng ý chủ trương nghiên cứu cơ hội đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Bảo hiểm Agribank (ABIC);
- Thống nhất nâng bậc lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

❖ **Phiên họp lần thứ ba (Phiên họp HĐQT lần thứ 12, Nhiệm kỳ IV):** ngày 29/11/2023

- Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 của Tổng công ty;
- Thông qua các đề xuất của Tổng giám đốc liên quan đến chương trình tái bảo hiểm 2024;

2. Ngoài các cuộc họp, HĐQT đã lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành những nghị quyết sau:

- **Quyết định số 02/2023/QĐ- HĐQT ngày 27/01/2023:** Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Đỗ Anh Đức
 - **Quyết định số 04/2023/QĐ-HĐQT ngày 15/02/2023:** Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2023.
 - **Quyết định số 05/2023/QĐ-HĐQT ngày 09/03/2023:** Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ 2023.
 - **Quyết định số 09/2023/QĐ-HĐQT ngày 19/06/2023:** Lựa chọn công ty TNHH PWC Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của VINARE.
 - **Quyết định số 10/2023/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2023:** Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.
 - **Quyết định số 18/2023/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2023:** Phê duyệt phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu.
 - **Quyết định số 23/2023/QĐ-HĐQT ngày 04/12/2023:** Nâng lương Tổng Giám đốc VINARE.
 - **Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐQT ngày 07/12/2023:** Nghị quyết về điều chỉnh lương bổ sung của người Quản lý chuyên trách.
 - **Quyết định số 26/2023/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2023:** Bổ nhiệm bà Lưu Thị Việt Hoa giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, miễn nhiệm chức danh Kế toán Trưởng VINARE đối với bà Lưu Thị Việt Hoa.
3. Đào tạo về quản trị công ty: tham gia chương trình “Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị” (DCP) của Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD):
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương – Thành viên HĐQT
 - Ông Nguyễn Mạnh Linh – Phó Tổng giám đốc, kiêm nhiệm thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm PJICO.
 - Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Người phụ trách quản trị công ty
 - Ông Nguyễn Anh Đức – Giám đốc Ban Đầu tư, kiêm nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư VINARE (VINARE Invest)

C/ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT:

Tổng công ty có 01 thành viên độc lập HĐQT là ông Phạm Phan Dũng. Ông Phạm Phan Dũng là Trưởng Tiểu ban Thù lao và Lương thưởng, đồng thời tham gia Tiểu ban Nhân sự.

Trong năm 2023, ông Phạm Phan Dũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tích cực tham gia ý kiến vào các nội dung thảo luận trong chương trình nghị sự các cuộc họp.

Với tư cách là thành viên Tiểu ban Nhân sự, ông Phạm Phan Dũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự với Ban Điều hành, Chi ủy về các nội dung: bổ nhiệm mới nhân sự giữ chức danh Phó Tổng giám đốc.

Ngoài ra, thành viên độc lập đã tích cực đóng góp ý kiến theo yêu cầu về các mặt hoạt động khác của Tổng công ty, bao gồm: hoạt động đầu tư, hoạt động liên quan đến triển khai xây dựng lại (nâng cấp và chuyển đổi) Hệ thống chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm – ViCore, hoạt động Kiểm toán nội bộ,...

2. Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT:

- HĐQT VINARE đã chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh 2023 ĐHĐCĐ đã giao.
- HĐQT VINARE đã tổ chức họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Các giao dịch với bên có liên quan đều được HĐQT phê duyệt về nguyên tắc trước khi thực hiện, và được báo cáo đầy đủ vào cuối năm tài chính, đồng thời thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trong năm 2023, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực thi lộ trình ESG, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và lâu dài của VINARE đồng thời thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với môi trường và xã hội.

D/ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2023

1. Tiểu ban Chính sách phát triển:

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023 và kế hoạch 5 năm 2020 - 2024;
- Chỉ đạo và giám sát việc thực thi lộ trình ESG.

2. Tiểu ban Nhân sự:

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tổng công ty
- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT Tổng công ty trong việc kiện toàn nhân sự Lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty (bổ nhiệm thêm 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Người phụ trách kế toán và miễn nhiệm chức danh Kế toán Trưởng).

3. Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:

- Duy trì chính sách lương thưởng đã áp dụng trong năm 2022.
- Triển khai công bố thù lao của HĐQT, BKS, Ban Điều hành theo quy định của pháp luật.
- Đề xuất chế độ thù lao cho HĐQT, BKS, các Tiểu ban của HĐQT, Thư ký HĐQT phù hợp, áp dụng trong 2024.

E/ THÙ LAO CỦA HĐQT 2023

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của HĐQT (bao gồm cả thù lao thành viên HĐQT chuyên trách), BKS, tổ thư ký giúp việc tối đa là 3,85 tỷ VND/năm.

- Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.
- Thù lao của Chủ tịch HĐQT chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 25/2/2021.

Chi tiết thù lao của từng thành viên HĐQT đã được chi trả trong năm 2023 (trước khi nộp thuế TNCN) như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Thù lao 2023 trước thuế (VND)
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự	Không hưởng thù lao
2	Ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Chủ tịch HĐQT	216.000.000
3	Bà Lee On Wah Anna - Phó Chủ tịch	216.000.000
4	Ông Mai Xuân Dũng - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	180.000.000
5	Ông Nguyễn Đình An - Thành viên	180.000.000
6	Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên (<i>miễn nhiệm từ 20/4/2023</i>)	54.395.604
7	Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thành viên HĐQT	180.000.000
8	Ông Phạm Phan Dũng - Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao & Lương Thưởng	240.000.000
9	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thành viên	180.000.000
10	Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam - Thành viên (<i>bầu thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2023</i>)	125.604.396
	Tổng	<u>1.572.000.000</u>

F/ KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách đã sâu sát trong công tác chỉ đạo, điều hành, đảm bảo sự ổn định và phát triển của VINARE; chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện có kết quả một số công việc trọng tâm:
 - (1) Chú trọng kết nối, hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm để tăng cường khai thác, tối ưu hóa năng lực nhận tái bảo hiểm, tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả;
 - (2) Phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để triển khai các MoU đã ký như Swiss Re, ABIC, Thai Re,..., phát triển có kết quả một số sản phẩm mới, tạo tiền đề đóng góp vào doanh thu trước mắt và lâu dài;
 - (3) Tiếp tục nâng cao vị thế của VINARE trong nước và khu vực: phát hành định kỳ Bản tin Bảo hiểm – Tái Bảo hiểm song ngữ Anh – Việt; tổ chức khóa đào tạo cho các đối tác là doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại nước ngoài;
 - (4) Triển khai công tác đầu tư vào tài sản đảm bảo an toàn, hiệu quả trong bối cảnh lãi suất tiền gửi biến động, duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư; tiếp tục chú trọng công tác giám sát, xử lý phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp mà VINARE góp vốn;
 - (5) Tiếp tục duy trì và tăng cường năng lực tài chính; thực hiện chương trình kiểm toán nội bộ theo kế hoạch; chú trọng đến việc kiểm soát tuân thủ và quản lý rủi ro thông qua cập nhật khung quản trị rủi ro ERM, rà soát, tư vấn pháp lý đối với các vấn đề phát sinh;
 - (6) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy trình, quy chế (ban hành chính sách quản trị rủi ro và quy định nội bộ về quản trị rủi ro theo quy định của Thông tư 70/2022/TT-BTC; xây dựng dự thảo Quy chế Văn thư lưu trữ; Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin;...);
 - (7) Kiện toàn nhân sự Lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty (bổ nhiệm thêm 02 Phó Tổng giám đốc, 01 Người phụ trách kế toán và miễn nhiệm chức danh Kế toán Trưởng), kiện toàn nhân sự các cấp đáp ứng nhu cầu công việc;
 - (8) Hoàn thành nghiệm thu Dự án Vicore, đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả;
 - (9) Chủ tịch HĐQT được phân công chịu trách nhiệm về các vấn đề phát triển bền vững, chỉ đạo Tổng công ty tiếp tục thực hiện theo lộ trình ESG đã được HĐQT phê duyệt;
 - (10) Chính trang cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu công việc; dần triển khai các công việc PCCC theo yêu cầu.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Điều hành.
- Ban Điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Ban Điều hành tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp HĐQT.
- Các đề xuất của Ban Điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định/ nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết và các qui định nội bộ của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Tổng công ty bao gồm: hoạt động, tài chính, tuân thủ và các hệ thống quản lý rủi ro.

G/ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VỚI BAN KIỂM SOÁT

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Kiểm soát.
- Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Kiểm soát.
- Các đề xuất/ý kiến của Ban Kiểm soát liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty đều được HĐQT nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

H/ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT VÀ VƯỢT TRÊN TUÂN THỦ:

Với nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) đã khuyến nghị các công ty niêm yết thực hiện một số việc về quản trị công ty và công bố thông tin ở mức “vượt trên tuân thủ”. Hướng ứng chủ trương trên, trong năm 2023, VINARE đã thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh: các thông tin đã công bố bằng tiếng Việt đồng thời được công bố bằng tiếng Anh.
- Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp và công bố chính sách phòng chống tham nhũng và báo cáo hành vi sai trái.
- Công bố đầu mối tiếp nhận thông tin và phản hồi từ các bên hữu quan.

VINARE đã thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất cho các công ty đại chúng của Việt Nam (Vietnam Corporate Governance Code of Best Practices). Đối với những điểm chưa thực hiện được, Hội đồng quản trị đã thảo luận và có giải pháp triển khai trong thời gian tới.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. HĐQT thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

a. Kế hoạch kinh doanh 2024:

- ❖ *Kế hoạch kinh doanh chung:*

Đơn vị Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2.918.000	2.677.422	9,0%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2.778.000	2.540.491	9,3%
- Nghiệp vụ PA	140.000	136.932	2,2%
Lợi nhuận trước thuế	505.000	473.642	6,6%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	
Tổng thu – Tổng chi không lương	586.000	580.832	0,9%

b. Nhiệm vụ trọng tâm 2024 (phân công cụ thể từng thành viên theo lĩnh vực):

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2024 và các mục tiêu của chiến lược kinh doanh 2020 - 2024.
- Tổ chức các hoạt động hướng tới Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Tổng công ty.
- Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới; tăng cường giải pháp/năng lực TBH cho thị trường.
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị công ty theo quy định và thông lệ tốt trong nước và quốc tế phù hợp; hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
- Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
- Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

2. Thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro và ESG:

Để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật mới ban hành về kinh doanh bảo hiểm liên quan đến công tác quản trị rủi ro, đồng thời phù hợp với kế hoạch tăng trưởng bền vững của VINARE, HĐQT đồng ý chủ trương thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro và ESG với nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho HĐQT về các lĩnh vực sau đây:

- Chính sách quản trị rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

- Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp
- Giám sát hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp
- Báo cáo quản trị rủi ro
- Triển khai kế hoạch phát triển bền vững theo lộ trình.

HDQT sẽ quyết định thời điểm thành lập cụ thể sau khi hoàn thành các công tác chuẩn bị cần thiết.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



Số: 01/2024/VNR-BKS

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024**

***Kính gửi:* Đại hội đồng cổ đông TCT cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam**

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VNR);

- Quy chế hoạt động và chương trình làm việc của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của VNR như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của VNR năm 2022, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và các cuộc họp HĐQT trong năm.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của VNR theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

B. GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

I. Đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2023

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5.05% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 8,02% của năm 2022, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2.87% và 2.55% của các năm 2020 và 2021 trong 10 năm gần đây. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 6.2% so với năm trước. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3.25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 4.16% so với năm 2022.

Theo số liệu sơ bộ của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ tăng trưởng 2.96% - mức tăng trưởng thấp nhất được ghi nhận trong 5 năm trở lại đây. Sự sụt giảm của các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (chiếm gần 60% thị phần) như bảo hiểm con người, sức khỏe (giảm 0.3%), bảo hiểm xe cơ giới (giảm 1.9%) ảnh hưởng chính đến tăng trưởng doanh thu thị trường. Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại duy trì tăng trưởng ổn định, ngoại trừ nghiệp vụ Hàng hóa giảm 10.8% do ảnh hưởng từ sự sụt giảm của kim ngạch xuất nhập khẩu. Tình trạng cạnh tranh phi kỹ thuật thông qua hạ phí, mở rộng điều khoản tiếp tục diễn ra với hầu hết các nghiệp vụ, đặc biệt là các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại lớn như Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải, Trách nhiệm.

Trong bối cảnh kinh tế cũng như thị trường bảo hiểm kém thuận lợi, hoạt động kinh doanh của VNR năm 2023 đã đạt được các kết quả như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2023 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2023	Đơn vị: triệu đồng	
	2023	2022		% thực hiện năm 2023	
				So với cùng kỳ 2022	So với kế hoạch 2023
Doanh thu phí nhận	2.677.422	2.368.870	2.468.000	113,03%	108,49%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2.540.491	1.971.335	2.168.000	128,87%	117,18%
- Các nghiệp vụ PA	136.932	397.536	300.000	34,45%	45,64%
Lợi nhuận trước thuế	473.642	439.371	460.000	107,80%	102,97%
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	500.459	437.753	460.000	114,32%	108,80%
- Lãi/(Lỗ) CLTG đánh giá ngoại tệ cuối kỳ	-26.816	1.618			

Ghi chú: Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kì không bao gồm trong KHKD

Các chỉ tiêu về doanh thu đều cao hơn so với cùng kỳ năm 2022, ngoại trừ nghiệp vụ PA. Doanh thu phí nhận vượt 8% kế hoạch doanh thu cả năm. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế cao hơn 8% so với năm 2022 và vượt 3% kế hoạch năm 2023.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	% thay đổi
1	Tổng tài sản	7.713.256	6.861.671	12%
2	Vốn chủ sở hữu	3.445.920	3.212.138	7%
3	Dự phòng nghiệp vụ (Net)	1.613.074	1.497.060	
	Dự phòng phí	652.912	608.882	7%
	Dự phòng bồi thường	749.131	690.703	8%
	Dự phòng dao động lớn	211.030	197.475	7%
4	Doanh thu	2023	2022	
	Doanh thu phí nhận	2.677.422	2.368.870	13%
	Doanh thu thuần kinh doanh bảo hiểm	1.630.053	1.514.308	8%
	Doanh thu phí bảo hiểm thuần	1.334.536	1.280.631	4%
	Doanh thu hoa hồng nhượng & doanh thu khác kinh doanh tái bảo hiểm	295.517	233.677	26%
	Doanh thu tài chính, bất động sản đầu tư	490.988	417.924	17%
	Thu nhập khác	762	986	-23%
5	Chi phí	2023	2022	
	Chi bồi thường	1.025.531	976.933	5%
	Trong đó: Chi bồi thường thuộc TNGL	516.078	344.675	50%
	Chi phí quản lý và chi khác hoạt động KDBH	1.102.886	1.042.902	6%
	Chi phí tài chính, bất động sản đầu tư	28.375	105.544	-73%
	Chi phí khác	821	726	13%
6	Lợi nhuận	2023	2022	
	Lợi nhuận gộp từ KDBH	140.241	237.232	-41%
	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính, bất động sản đầu tư	462.612	312.380	48%
	Lợi nhuận từ hoạt động khác	-58	260	-123%
	Lợi nhuận trước thuế	473.642	439.371	8%
	Lợi nhuận sau thuế	397.218	354.828	12%

Tổng tài sản của VNR tại ngày 31/12/2023 tăng 12% so với đầu năm, vốn chủ sở hữu cũng tăng 7%, cho thấy tăng trưởng tốt của VNR trong năm 2023. Dự phòng nghiệp vụ (Net) đều tăng so với 31/12/2022. Doanh thu phí nhận tái và doanh thu phí bảo hiểm thuần đều tăng trưởng lần lượt 13% và 4% so với năm trước. Cùng với đó, doanh thu hoạt động tài chính, bất động sản đầu tư cũng tăng 17% so với năm 2022. Chi bồi thường chỉ tăng 5% nhưng chi bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 50%. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng 8% và 12% so với năm 2022.

2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí nhận năm 2023 đạt 2.677 tỷ đồng, tăng 13% so với năm trước, trong đó doanh thu phí các nghiệp vụ tái bảo hiểm cốt lõi tăng 29% và doanh thu nghiệp vụ PA giảm 35%. Một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Tăng cường nhận dịch vụ, nguồn doanh thu từ nước ngoài tăng đáng kể (nghiệp vụ Tài sản).

- Doanh thu từ một số Treaties có mức tăng trưởng tốt (nghiệp vụ Kỹ thuật, Thân tàu, Xe cơ giới, Hồn hợp).

- Nghiệp vụ P&I có sự thay đổi kỳ đóng phí theo yêu cầu của Hội quốc tế (Leader).

- Nghiệp vụ Banca PA: doanh thu giảm so với năm trước do giảm nhu cầu TBH và chủ trương của VNR (chỉ nhận khi đảm bảo hiệu quả phù hợp).

Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (TNGL) tăng 50% so với cùng kỳ năm trước (tương đương 171,4 tỷ), do các nguyên nhân sau:

- Chi bồi thường thuộc TNGL tăng do một số nghiệp vụ Xe cơ giới, Kỹ thuật, P&I, Hàng hóa, Thân tàu.

- Dự phòng bồi thường thuộc TNGL trích lập thêm 53,1 tỷ đồng trong khi năm 2022 hoàn nhập 15,7 tỷ đồng do nghiệp vụ P&I, Kỹ thuật xảy ra nhiều tổn thất thuộc các dịch vụ mà VNR giữ lại nhiều.

- Tình hình tổn thất nghiệp vụ Tài sản giảm đáng kể so với các năm trước, chỉ có 3 tổn thất trên 1 triệu USD và tổng của 3 tổn thất này chỉ ~14 triệu USD.

- Các tổn thất nhỏ, trong mức giữ lại của VNR đã được giải quyết nhanh chóng.

2.2. Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm

Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm tại 31/12/2023 như sau:

			<i>Đơn vị: triệu đồng</i>	
Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	+/-	
Công nợ phải thu	706.550	269.996	436.554	162%
Công nợ phải trả	723.274	160.057	563.217	352%
Net phải thu - phải trả	-16.724	109.939	-126.663	-115%

Tổng thể công nợ phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2023 đều tăng mạnh so với thời điểm 31/12/2022. Tuy nhiên, net công nợ phải thu – phải trả giảm mạnh so với cuối năm 2022 do VNR đã tăng cường hoạt động thu hồi nợ.

2.3. Hoạt động đầu tư tài chính

* Cơ cấu danh mục đầu tư tại 31/12/2023:

<i>Đơn vị: triệu đồng</i>					
STT	Danh mục đầu tư	31/12/2023	31/12/2022	Tăng/Giảm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2.854.000	2.765.300	88.700	59,5%
2	Trái phiếu	1.129.000	680.000	449.000	23,5%
3	Góp vốn DN khác	494.296	494.296	-	10,3%
4	Đầu tư chứng khoán, CCQ, Ủy thác đầu tư	304.063	309.340	(5.277)	6,3%
5	Văn phòng cho thuê	2.773	4.591	(1.819)	0,1%
6	Đầu tư BĐS	10.969	11.206	(237)	0,2%
7	Tiền trên TKTT	5.387	49.657	(44.270)	0,1%
	Tổng cộng	4.800.488	4.314.390	486.097	100%

Ghi chú: Các khoản Đầu tư đã trừ dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có)

Tổng danh mục đầu tư tại ngày 31/12/2023 là 4.800 tỷ đồng, tăng 486 tỷ đồng so với 31/12/2022, trong đó đầu tư tiền gửi và trái phiếu (trái phiếu ngân hàng) tăng 538 tỷ đồng, thể hiện sự thận trọng của VNR. Trong tình hình thị trường chứng khoán có nhiều biến động, VNR cũng giảm danh mục đầu tư chứng khoán, CCQ, ủy thác đầu tư 5,3 tỷ đồng. Trong bối cảnh lãi suất thị trường tuy có xu hướng giảm sâu, VNR chuyển đổi đầu tư tiền gửi sang đầu tư trái phiếu ngân hàng để tăng hiệu quả đầu tư và vẫn đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Tỷ trọng tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư lần lượt chiếm 59,5% và 23,5%.

* Hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính:

<i>Đơn vị: triệu đồng</i>									
Danh mục	2023			2022			KH 2023	So với 2022	So với KH 2023
	DThu	Chi phí	LN	DThu	Chi phí	LN			
Tiền gửi	272.763	-	272.763	146.780	-	146.780	240.000	186%	114%
Trái phiếu	61.979	-	61.979	46.782	-	46.782	58.300	132%	106%
Góp vốn DN	123.814	(3.633)	127.447	131.515	5.330	126.185	129.700	101%	98%
Ủy thác đầu tư, CCQ	6.921	(14.288)	21.209	30.570	29.154	1.416	20.000	1498%	106%
Cho thuê VP	6.497	2.146	4.351	6.184	2.281	3.903	4.000	111%	109%
Thu khác, CLTG	19.775	44.971	(25.196)	57.079	69.505	(12.426)	(17.000)	203%	148%
Tổng cộng	491.749	29.196	462.553	418.910	106.270	312.640	435.000	148%	106%

Lợi nhuận hoạt động đầu tư đạt 462 tỷ đồng, tăng 48% so với năm 2022, vượt 6% kế hoạch năm. Các hoạt động đầu tư đều có lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tiền gửi tăng mạnh 86% do giá trị danh mục tăng và lợi suất cao hơn năm 2022. VNR tăng đầu tư vào trái phiếu tăng vốn cấp II của các ngân hàng có coupon tốt hơn lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn, lợi nhuận trái phiếu tăng 32% so với năm 2022.

Riêng đối với khoản đầu tư tại VNR Invest cũng như các khoản đầu tư hợp tác giữa VNR và VNR Invest cũng đã có một số tiến triển so với năm trước:

- Dự án Constrexim Complex: VNR Invest đã hoàn tất việc thu hồi công nợ tại dự án A1 Cầu Giấy, Hà Nội.

- Dự án Paragon Tower: VNR Invest đã hoàn tất việc thu hồi nợ công nợ dự án Hà Nội Paragon từ Công ty VT theo Quyết định số 08/2021/QĐST-KDTM của TAND quận Cầu Giấy.

- Dự án 360 Giải Phóng: Về tiến độ dự án, trên cơ sở kiểm tra thực địa hiện trạng dự án chủ đầu tư đã tái khởi công xây dựng tòa HH3 từ tháng 10/2023. Đến 31/12/2023, Công ty Thăng Long đã thanh toán cho VNR Invest 2 tỷ đồng, còn lại khoản nợ gốc 12,1 tỷ đồng và lãi 5,4 tỷ đồng.

- Dự án 142 Định Công: Dự án vẫn phải chờ các cơ quan chức năng của Hà Nội có hướng dẫn cụ thể để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án. VNR Invest đang tiếp tục rà soát lại nội dung hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt và các quy định pháp luật có liên quan để có đánh giá lại về khả năng tiếp tục đầu tư hoặc chấm dứt đầu tư và thu hồi vốn.

II. Rà soát báo cáo tài chính năm 2023

- Báo cáo tài chính năm 2023 do Chi nhánh Công ty TNHH PwC Việt Nam kiểm toán gồm 02 phần: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Về cơ bản, báo cáo tài chính năm 2023 của VNR đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của VNR trong năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- VNR đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy trình và quy chế nội bộ.

Hoạt động kinh doanh của VNR trong năm 2023 có mức tăng trưởng tốt, chỉ tiêu về doanh thu hoàn thành 108,5% và chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành 108,8% kế hoạch cả năm. VNR cũng thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính kế toán, trích lập dự phòng đầy đủ và theo nguyên tắc thận trọng.

III. Công tác chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

1. Công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp

VNR chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ của VNR.

2. Phối hợp giữa HĐQT, Ban giám đốc, các Phòng và Ban kiểm soát

HĐQT, Ban giám đốc và các đơn vị của VNR đều tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thực hiện giải trình cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

3. Các mặt hoạt động khác

- Hoàn thành xây dựng chính sách quản trị rủi ro theo quy định của Thông tư 70/2022/TT-BTC, Quy chế Văn thư lưu trữ và Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin.

- Bổ nhiệm 02 Phó tổng giám đốc, 1 Giám đốc Ban và 2 Phó giám đốc Ban.

- Về rating, tiếp tục duy trì FSR B++ và ICR bbb+ (AM Best).

- Hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng dự án Vicore.

Các vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới Giám đốc và Ban kiểm soát. Ban Giám đốc chấp hành nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT.

C. KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, BKS kiến nghị HĐQT, Ban giám đốc một số vấn đề như sau:

- Tăng cường khai thác doanh thu nhận tái trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ rủi ro và tuân thủ kỉ luật khai thác nhằm tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro đầu tư, thực hiện phân bổ tài sản đầu tư đảm bảo hiệu quả đầu tư cũng như bảo toàn vốn.

- Xem xét nâng cấp khung quản trị rủi ro để phù hợp với quy mô phát triển của VNR trong thời gian tới. VNR xây dựng lộ trình để đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính theo mô hình RBC (Kiểm soát vốn trên cơ sở rủi ro) theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình hoạt động của VNR cũng như quản trị doanh nghiệp.

- Rà soát chặt chẽ và tích cực thu hồi công nợ tái bảo hiểm.

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo thu hồi công nợ, kịp thời ghi nhận doanh thu của các dự án đầu tư khi đủ điều kiện ghi nhận theo quy định, đồng thời đánh giá khả năng thu hồi công nợ và trích lập dự phòng (nếu có).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Thành viên BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thanh Hiền

V/v: Đề xuất và xin ý kiến lựa chọn công
ty kiểm toán độc lập năm 2024

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia VN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Trên cơ sở danh sách các công ty kiểm toán độc lập đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với các công ty niêm yết;

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông VINARE lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2024 như sau:

1. Công ty KPMG Việt nam
2. Công ty Deloitte Việt Nam
3. Công ty Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị VINARE - căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán (cụ thể do mỗi công ty kiểm toán đưa ra) - tiến hành lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Thanh Hiền

(dự thảo) NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ:

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 ngày 23 tháng 4 năm 2024;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2023: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 7.713.256.003.162 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.445.920.422.237 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.503.770.377.605 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 3.116.844.047.437 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023 (VND)
Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm	2.677.422.217.971
- Các nghiệp vụ BH cốt lõi	2.540.490.558.040
- Nghiệp vụ BH tai nạn cá nhân cho người vay vốn	136.931.659.931
Lợi nhuận trước thuế	473.642.225.093
- Trong đó, lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá (không được dùng để chia cổ tức)	(26.816.375.368)

Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh 2023.

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023: Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 8.002.256.148.750 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.717.333.916.781 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nợ TBH: 1.503.770.377.605 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 3.116.844.047.437 VND

Điều 2: Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2023:

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1. Lợi nhuận còn lại tại ngày 01/01/2023	827.720.556.907
- Lợi nhuận được phân phối	751.967.954.708
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	75.752.602.199
2. Chi cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	150.734.870.000
3. Lợi nhuận sau thuế năm 2023	
3.1. Lợi nhuận thực hiện	397.218.403.717
- Lợi nhuận được phân phối	424.034.779.085
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	(26.816.375.368)
3.2. Phân phối lợi nhuận	359.393.677.221
- Quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế)	15.073.487.000
- Quỹ đầu tư phát triển	-
- Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	6.360.521.686
- Quỹ phúc lợi (01 tháng lương thực hiện)	6.338.434.535
- Chi cổ tức năm 2023 bằng tiền (tỷ lệ 10%)	165.810.617.000
- Chi cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	165.810.617.000
4. Lợi nhuận còn lại lũy kế (4=1-2+3)	714.810.413.403
- Lợi nhuận được phân phối	665.874.186.572
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	48.936.226.831

Điều 3: Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023: 10% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu.

Điều 4: Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2023: 2.170.219.780 VND.

(Mức chi thù lao theo Quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015 của Hội đồng quản trị)

Điều 5: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2.918.000	2.677.422	9,0%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2.778.000	2.540.491	9,4%
- Nghiệp vụ PA	140.000	136.932	2,2%
Lợi nhuận trước thuế	505.000	473.642	6,6%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

Điều 6: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2023 (báo cáo đính kèm).

Điều 7: Thông qua Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát 2023 (báo cáo đính kèm).

Điều 8: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức 2023:

8.1 Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
- Mã cổ phiếu: VNR
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 165.810.617 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 165.810.617 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu: 16.581.061 cổ phần (tương đương 10% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 165.810.610.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm tỷ tám trăm mười triệu sáu trăm mười nghìn đồng)
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 1.823.916.780.000 đồng (một nghìn tám trăm hai mươi ba tỷ chín trăm mười sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)
- Đối tượng và hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách phân bổ quyền để trả cổ tức bằng cổ phiếu).
- Tỷ lệ thực hiện: 10% (tương đương tỷ lệ 10:01) có nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu VNR tại ngày chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền, và cứ 10 quyền sẽ nhận được cổ tức là 01 cổ phiếu phát hành thêm.
- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu trả cổ tức phân phối cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ do nguyên tắc tính toán sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu. Khi đó, Cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được nhận cổ tức là $123 \times 10\% = 12,3$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của Cổ đông A nhận được sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 12 cổ phiếu, phần cổ phiếu lẻ còn lại sẽ bị hủy.

- Nguồn vốn thực hiện: Số tiền dự kiến 165.810.610.000 đồng được trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2023 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu trả cổ tức là cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ và không bị hạn chế chuyển nhượng. Quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức không được chuyển nhượng.
- Thời gian thực hiện phát hành: Sau khi được chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Dự kiến trong Quý III, IV/2024.

8.2 Nội dung giao và ủy quyền: Thông qua việc giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam thực hiện các công việc sau đây:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023 chi tiết tại mục 8.1 nêu trên (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty;
- Quyết định lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành bao gồm cả việc xin chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành tăng vốn: Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ, điều chỉnh giấy phép của Tổng công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.
- Xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu VNR tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HNX theo quy định pháp luật.
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo phương án phát hành chi tiết tại mục 8.1 nêu trên và phê duyệt theo quy định của pháp luật.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị báo cáo kết quả phát hành tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 9: Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2024:

9.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2024, bao gồm các công ty sau:

1. Công ty KPMG Việt nam
2. Công ty Deloitte Việt Nam
3. Công ty Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

9.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

Điều 10: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2024. Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- *HDQT, BKS, BDH*

- *Lưu: Thư ký HDQT, KT, ĐT*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

THẺ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị công ty hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

I/ Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ:

- Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại các Điều 20, 21 và 22 của Điều lệ Tổng Công ty. Khi đăng ký tham gia Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết được phát thẻ biểu quyết đại diện cho số cổ phần sở hữu.
- Thẻ biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:
 - Nội dung ghi trên thẻ biểu quyết tương ứng với những vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội. Số quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ (tỷ lệ 1 cổ phần = 1 quyền biểu quyết).
 - Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết đánh dấu nhân vào một trong 3 ô vuông: “*tán thành*”, “*không tán thành*”, hoặc “*không có ý kiến*” trong thẻ để biểu quyết các nội dung ghi trên thẻ biểu quyết. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông chỉ được lựa chọn 1 trong 3 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào thẻ biểu quyết trước khi nộp cho Ban Kiểm phiếu.
 - Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ biểu quyết theo mẫu in sẵn của Tổng Công ty phát hành có đóng dấu treo, không được tẩy xoá, cạo, sửa, không viết thêm nội dung khác vào thẻ. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không đáp ứng được yêu cầu đối với thẻ biểu quyết hợp lệ theo quy định ở trên.
 - Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết “*tán thành*”, sau đó thu thẻ “*không tán thành*” và cuối cùng là thu thẻ “*không có ý kiến*”. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu lần lượt thẻ biểu quyết theo từng mục trên.
 - Các thẻ biểu quyết phụ sẽ được sử dụng (nếu cần thiết) để biểu quyết các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử thành phần Ban Kiểm phiếu và thông qua trước Đại hội. Số thành viên Ban Kiểm phiếu không quá 03 người và phải có ít nhất một (01) người là thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty.
- Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

II/ Tỷ lệ thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 biểu quyết và bầu cử trực tiếp tại cuộc họp:

Căn cứ theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 23 Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty, các quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được thông qua theo điều kiện sau:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - f. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Các nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành./.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

1. Bên ủy quyền:

Cổ đông:

CMND/CCCD/GPĐKKD số: cấp ngày

tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu:

(Bằng chữ:))

2. Bên nhận ủy quyền:

Họ tên:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày

tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần được ủy quyền:

(Bằng chữ:))

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam tổ chức vào ngày 23/04/2024 và thực hiện mọi quyền lợi/nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

....., ngày..... tháng..... năm 2024.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý: Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Bên nhận ủy quyền mang theo Thông báo mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) và Giấy ủy quyền (bản gốc) của Bên ủy quyền để làm thủ tục đăng ký đại biểu tại Đại hội. Đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc ủy quyền tham dự Đại hội chậm nhất đến 17h00 ngày 19/04/2024 theo số điện thoại 024.39427859 hoặc số fax 024.39422351.